TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12- 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trọng Hiếu

2. Bà Hồ Thị Đoan Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 276/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Chị Phạm Thị N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện CĐ, tỉnh Long An (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện CĐ, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh P cưới nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/6/2008 tại Uỷ ban nhân xã P, huyện CĐ, tỉnh Long An. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng bình thường đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P có tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, chị có khuyên nhủ anh P nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi, cuộc sống không có hạnh phúc nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 03/7/2008 hiện đang sống với chị N. Do cháu T có nguyện vọng sống với mẹ nên chị

N yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày tại bản tự khai ngày 12/11/2021. Anh thống nhất với trình bày theo đơn khởi kiện của chị N về thời gian đăng kí kết hôn, thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh P thì anh cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 03/7/2008 hiện đang sống với chị N. Do cháu T có nguyện vọng sống với mẹ nên anh P đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh P là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Đối với anh Nguyễn Thanh P, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng anh P có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Thanh P cưới nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/6/2008 tại Uỷ ban nhân xã P, huyện CĐ, tỉnh Long An, là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị N và anh P thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do anh P có tình cảm với người phụ nữ khác, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị N nhận thấy không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu được ly hôn với anh P và anh P cũng đồng ý nhưng anh P không đến Tòa án để giải quyết cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh P.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 03/7/2008 hiện đang sống với chị N. Do cháu T có nguyện vọng sống với mẹ, mặt khác tại bản tự khai ngày 12/11/2021 anh P cũng đồng ý để chị N tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T nên hội đồng xét xử chấp nhận để chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị N, anh P trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập.

[3] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị N với bị đơn anh Nguyễn Thanh P.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2. Về nuôi con chung: Chị N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 03/7/2008 hiện đang sống với chị N. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh P đều trình bày không có nên không đề cập.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005535 ngày 27/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CĐ, chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựợc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út